BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM HỌC KỲ - LẦN CAO NHẤT

Năm học: 2018 - 2019 **Học kỳ :**

Khóa học : C17. Ngành đào tạo : Kế toán

Khoa : K. Kinh tế Chuyên ngành : Kế toán doanh nghiệp

Bậc đào tạo Cao đẳng Lớp học C17KT.

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm học tập: Xếp loại TBCHK	TBC HK		TBC TL	GDTC2 (1.0)			NLCBML2 (3.0)			QTTC (2.0)			KTTC2 (3.0)			THKTTC2 (1.0)			KTTC3 (3.0)			TCHTKT (2.0)			THKT (1.0)			THKTEXCEL (1.0)			THUE (2.0)															
								HP		QĐ				HP					QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP		QĐ	HP		QĐ	HP	ĐC	QĐ	HP		QĐ	HP	ĐC	QĐ		QĐ	ĐC	HP	ĐC		HP	QĐ	ĐC	HP	ĐC	QĐ	QĐ
1	17CQ3403010002	Nguyễn Trần Mỹ	Diện	Yếu	1.56	8	2.13	6.40	C+	2.50	5.90	C	2.00	3.40	F	0.00	4.00	D	1.00	7.40	B	3.00	5.50	C	2.00	4.60	D+	1.50	8.30	B+	3.50	6.00	C+	2.50	3.50	F	0	8.50	A	4										
2	17CQ3403010003	Nguyễn Quốc	Dũng	Yếu	0.00	0	1.90	3.60	F	0.00	0.70	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
3	17CQ3403010004	Huỳnh Hà Minh	Duy	Yếu	0.00	0	1.93	7.60	B+	3.50	5.80	C	2.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
4	17CQ3403010005	Trương Thị Cẩm	Giang	Trung bình	2.06	8	2.54	5.80	C	2.00	6.10	C+	2.50	6.00	C+	2.50	4.30	D	1.00	7.40	B	3.00	4.90	D+	1.50	5.80	C	2.00	6.86	C+	2.50	9.00	A+	4.00	5.00	D+	1.5	9.08	A+	4										
5	17CQ3403010006	Châu Như	Hạ	Trung bình	2.00	8	2.33	7.40	B	3.00	5.10	D+	1.50	5.60	C	2.00	4.30	D	1.00	8.60	A	4.00	4.90	D+	1.50	5.70	C	2.00	5.76	C	2.00	7.00	B	3.00	5.80	C	2	8.43	B+	3.5										
6	17CQ3403010008	Nguyễn Thị Thu	Huệ	Khá	2.66	10	2.75	8.20	B+	3.50	7.50	B+	3.50	5.60	C	2.00	6.10	C+	2.50	8.60	A	4.00	6.80	C+	2.50	5.80	C	2.00	7.10	B	3.00	7.00	B	3.00	7.40	B	3	8.15	B+	3.5										
7	17CQ3403010009	Phan Thị Kim	Hương	Khá	3.19	10	3.25	5.80	C	2.00	6.60	C+	2.50	7.80	B+	3.50	5.60	C	2.00	8.50	A	4.00	7.50	B+	3.50	6.60	C+	2.50	7.48	B	3.00	8.00	B+	3.50	9.40	A+	4	9.00	A+	4										
8	17CQ3403010011	Huỳnh Thị	Lại	Yếu	1.97	8	2.62	6.40	C+	2.50	6.00	C+	2.50	4.70	D+	1.50	3.20	F	0.00	8.70	A	4.00	7.20	B	3.00	5.60	C	2.00	5.46	D+	1.50	6.00	C+	2.50	6.20	C+	2.5	6.60	C+	2.5										
9	17CQ3403010012	Nguyễn Thị	Lệ	Yếu	1.75	8	2.33	7.00	B	3.00	5.70	C	2.00	4.60	D+	1.50	4.20	D	1.00	7.40	B	3.00	6.80	C+	2.50	5.30	D+	1.50	4.40	D	1.00	7.00	B	3.00	4.40	D	1	6.43	C+	2.5										
10	17CQ3403010014	Nguyễn Thị Kim	Loan	Yếu	1.44	0	1.91	6.40	C+	2.50	5.70	C	2.00	5.20	D+	1.50	3.20	F	0.00	7.40	B	3.00	5.50	C	2.00	4.50	D+	1.50	5.50	C	2.00	5.00	D+	1.50	4.10	D	1	6.13	C+	2.5										
11	17CQ3403010015	Huỳnh Thị Diễm	My	Yếu	0.00	0	1.83	0.00	F	0.00	0.20	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
12	17CQ3403010016	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Yếu	1.84	8	2.57	7.00	B	3.00	6.30	C+	2.50	6.70	C+	2.50	3.10	F	0.00	7.90	B+	3.50	5.30	D+	1.50	6.50	C+	2.50	5.20	D+	1.50	6.00	C+	2.50	6.90	C+	2.5	6.03	C+	2.5										
13	17CQ3403010018	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Khá	2.50	10	2.96	8.20	B+	3.50	6.20	C+	2.50	7.10	B	3.00	5.90	C	2.00	8.00	B+	3.50	5.30	D+	1.50	6.70	C+	2.50	5.76	C	2.00	7.00	B	3.00	7.40	B	3	8.68	A	4										
14	17CQ3403010019	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Yếu	1.58	8	2.16	5.80	C	2.00	5.30	D+	1.50	4.60	D+	1.50	3.70	F	0.00	8.00	B+	3.50	5.10	D+	1.50	5.60	C	2.00	5.36	D+	1.50	6.00	C+	2.50	4.10	D	1	6.93	C+	2.5										
15	17CQ3403010020	Đặng Thị Thúy	Quyên	Yếu	1.47	0	2.12	6.40	C+	2.50	5.60	C	2.00	4.20	D	1.00	3.50	F	0.00	7.90	B+	3.50	5.40	D+	1.50	5.10	D+	1.50	5.00	D+	1.50	6.00	C+	2.50	4.80	D+	1.5	8.43	B+	3.5										
16	17CQ3403010021	Ngô Thị	Thâm	Yếu	1.38	0	2.11	5.80	C	2.00	5.60	C	2.00	4.90	D+	1.50	2.70	F	0.00	7.30	B	3.00	5.30	D+	1.50	4.70	D+	1.50	5.80	C	2.00	5.00	D+	1.50	4.70	D+	1.5	5.76	C	2										
17	17CQ3403010022	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Yếu	0.00	0	2.50	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
18	17CQ3403010023	Văn Thị Bích	Thịnh	Yếu	1.91	8	2.36	7.40	B	3.00	5.60	C	2.00	4.60	D+	1.50	3.70	F	0.00	8.30	B+	3.50	6.70	C+	2.50	5.20	D+	1.50	7.70	B+	3.50	6.50	C+	2.50	6.40	C+	2.5	6.90	C+	2.5										
19	17CQ3403010024	Nguyễn Thị Lệ	Thu	Xuất sắc	3.78	14	3.54	7.20	B	3.00	6.50	C+	2.50	8.40	B+	3.50	9.20	A+	4.00	9.20	A+	4.00	8.20	B+	3.50	8.90	A	4.00	7.60	B+	3.50	9.00	A+	4.00	8.50	A	4	8.48	B+	3.5										
20	17CQ3403010025	Nguyễn Trần Minh	Thúy	Xuất sắc	3.69	14	3.49	8.00	B+	3.50	7.50	B+	3.50	8.00	B+	3.50	9.10	A+	4.00	9.20	A+	4.00	8.10	B+	3.50	8.00	B+	3.50	8.20	B+	3.50	9.00	A+	4.00	8.30	B+	3.5	9.13	A+	4										
21	17CQ3403010027	Lê Nguyễn Minh	Trang	Yếu	1.59	8	1.96	8.40	B+	3.50	5.90	C	2.00	2.80	F	0.00	3.00	F	0.00	7.40	B	3.00	6.00	C+	2.50	5.40	D+	1.50	7.90	B+	3.50	7.00	B	3.00	4.40	D	1	8.33	B+	3.5										
22	17CQ3403010028	Đặng Thị Kim	Trọng	Yếu	1.84	8	2.30	6.20	C+	2.50	6.20	C+	2.50	3.40	F	0.00	2.80	F	0.00	7.40	B	3.00	7.50	B+	3.50	4.70	D+	1.50	6.38	C+	2.50	7.50	B+	3.50	5.20	D+	1.5	8.85	A	4										
23	17CQ3403010031	Cao Thị Bích	Tuyền	Yếu	0.00	0	1.83	3.00	F	0.00	2.70	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
24	17CQ3403010032	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	Giỏi	3.31	12	3.25	5.80	C	2.00	6.90	C+	2.50	7.60	B+	3.50	7.60	B+	3.50	9.20	A+	4.00	8.20	B+	3.50	6.90	C+	2.50	7.30	B	3.00	7.50	B+	3.50	7.30	B	3	8.38	B+	3.5										
25	17CQ3403010033	Đỗ Minh	Úy	Trung bình	2.13	8	2.28	7.80	B+	3.50	5.40	D+	1.50	5.30	D+	1.50	4.60	D+	1.50	6.80	C+	2.50	7.60	B+	3.50	6.30	C+	2.50	3.68	F	0.00	7.00	B	3.00	4.70	D+	1.5	6.66	C+	2.5										
26	17CQ3403010034	Cao Thị Mỹ	Yên	Xuất sắc	3.63	14	3.41	6.40	C+	2.50	6.30	C+	2.50	7.40	B	3.00	8.70	A	4.00	8.60	A	4.00	7.50	B+	3.50	8.30	B+	3.50	8.38	B+	3.50	9.00	A+	4.00	7.90	B+	3.5	8.85	A	4										
27	17CQ3403010035	Nguyễn Mỹ	Hiền	Trung bình	2.44	8	2.48	5.80	C	2.00	5.50	C	2.00	4.40	D	1.00	5.90	C	2.00	7.40	B	3.00	6.50	C+	2.50	5.70	C	2.00	7.30	B	3.00	7.00	B	3.00	7.50	B+	3.5	7.72	B+	3.5										
28	17CQ3403010036	Bằng Thị Thu	Hoa	Khá	2.66	10	2.82	5.80	C	2.00	6.80	C+	2.50	5.90	C	2.00	6.20	C+	2.50	6.90	C+	2.50	7.10	B	3.00	5.40	D+	1.50	5.70	C	2.00	7.50	B+	3.50	8.30	B+	3.5	8.61	A	4										
29	17CQ3403010038	Nguyễn Thị Lệ	Thi	Yếu	1.38	0	2.36	6.40	C+	2.50	5.40	D+	1.50	5.30	D+	1.50	2.90	F	0.00	5.20	D+	1.50	6.50	C+	2.50	4.10	D	1.00	3.52	F	0.00	6.00	C+	2.50	4.10	D	1	7.60	B+	3.5										
30	17CQ3403010039	Nguyễn Trương Mỹ	Hồng	Khá	2.69	10	2.81	8.20	B+	3.50	7.40	B	3.00	5.20	D+	1.50	5.90	C	2.00	6.20	C+	2.50	7.30	B	3.00	7.60	B+	3.50	5.90	C	2.00	7.00	B	3.00	7.80	B+	3.5	7.98	B+	3.5										
31	17CQ3403010041	Phan Thị Lan	Anh	Yếu	0.00	0	2.04	3.20	F	0.00	1.30	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
32	17CQ3403010042	Trương Thị Trúc	Ly	Yếu	0.00	0	1.94	7.00	B	3.00	7.30	B	3.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0.00	0.00	F	0	0.00	F	0										
33	17CQ3403010043	Lê Thị Ngọc	Hằng	Yếu	1.34	0	2.39	7.20	B	3.00	5.80	C	2.00	4.30	D	1.00	3.60	F	0.00	5.00	D+	1.50	5.60	C	2.00	4.30	D	1.00	4.80	D+	1.50	7.00	B	3.00	5.50	C	2	4.75	D+	1.5										
34	17CQ3403010046	Lê Huỳnh Uyên	Vy	Yếu	1.84	8	2.22	6.80	C+	2.50	5.90	C	2.00	4.60	D+	1.50	4.70	D+	1.50	5.00	D+	1.50	4.80	D+	1.50	4.70	D+	1.50	8.40	B+	3.50	6.00	C+	2.50	4.80	D+	1.5	8.75	A	4										

Tổng HSSV: **34**

Phú Yên, ngày 12 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	3	8.82%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	2.94%	TB	4	11.76%
Khá	5	14.71%	Yếu	21	20.59%

Trần Thi Quỳnh Như